

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 09/2026/HS-ST
Ngày 30 - 01 -2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Long Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Á

Bà Phạm Hoàng Diễm My

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nhật Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Thị Hồng P, sinh ngày 16/3/2007 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Khu phố G, phường H, tỉnh Gia Lai; CCCD: 052307009960, cấp ngày 01/6/2022; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tấn B, sinh năm 1985 và bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1984; chồng, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (Đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: Khu phố A, phường H, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Phạm Tấn B, sinh năm 1985 (Có mặt)

Trú tại: Khu phố G, phường H, tỉnh Gia lai.

2- Chị Lê Thị Thúy C, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, phường B, tỉnh Gia lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29/9/2025, Phạm Thị Hồng P điều khiển xe mô tô biển số 77M2 - 1172 của ông Phạm Tấn B (sinh năm 1985, trú ở khu phố G, phường H, tỉnh Gia Lai) từ nhà đến chợ “Bộng” thuộc khu phố G, phường H, tỉnh Gia Lai. Sau đó, P đến ki-ốt bán hàng của bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1972, trú ở khu phố A, phường H, tỉnh Gia Lai) để mua dép. Tại đây, P thấy túi xách màu đen của bà H để trên kệ không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Phấn đi tới lấy toàn bộ tiền trong túi xách bỏ vào túi áo khoác đang mặc rồi rời đi. Khi về đến nhà, P đếm số tiền vừa chiếm đoạt được là 18.667.000 đồng rồi đem cất giấu trong phòng ngủ của gia đình. Đến ngày 02/10/2025, Công an phường H, tỉnh Gia Lai triệu tập làm việc thì P tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt được của bà Nguyễn Thị H.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ và trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 18.667.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bà Nguyễn Thị H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSKV6 ngày 22/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai truy tố bị cáo Phạm Thị Hồng P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Hồng P khai nhận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29/9/2025, tại chợ B1 thuộc khu phố G, phường H; lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị H, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà H số tiền 18.667.000 đồng. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong giai đoạn điều tra bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và có đơn bãi nại và đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Thị Hồng P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn B đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 77M2 - 1172 nên không có yêu cầu gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị Hồng P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng P mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

+ Về bồi thường thiệt hại: Đã giải quyết xong.

+ Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của bản thân đã sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng*: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị Hồng P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29/9/2025, tại ki-ốt bán hàng của bà Nguyễn Thị H ở chợ B1 thuộc khu phố G, phường H, tỉnh Gia Lai. Tại đây, P thấy túi xách màu đen của bà H để trên kệ không có ai trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt và bị cáo đã lấy toàn bộ số tiền 18.667.000 đồng trong túi xách bỏ vào túi áo khoát rồi về nhà. Hành vi đó bị cáo Phạm Thị Hồng P đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai truy tố là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng cho người dân trong việc quản lý tài sản của mình nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc của khung hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] *Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:*

- *Về nhân thân:* Bị cáo Phạm Thị Hồng P chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có nhân thân tốt.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã nhận lại tài sản, có đơn bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo là dân lao động nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Đây các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] *Về quyết định hình phạt:* Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho bị cáo hưởng hình phạt tù có điều kiện, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[6] *Về bồi thường thiệt hại:* Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] *Về xử lý vật chứng:* Đã giải quyết xong.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai đề nghị áp dụng pháp luật, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, việc đề nghị xử phạt tù giam đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Thị Hồng P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào các Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Hồng P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng P 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/01/2026.

Giao các bị cáo Phạm Thị Hồng P cho Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Gia Lai quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo Phạm Thị Hồng P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Các bên đã thỏa thuận bồi thường xong, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

4. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị Hồng P phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- CQ THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Long Nhiên